

## BIỂU PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHO VAY DÀNH CHO KHCN TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

STT	Dịch vụ	Tỷ lệ phí	Tối thiểu (đơn vị: đồng)	Tối đa (đơn vị: đồng)	Cách thu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN</b>				Thu ngay tại thời điểm trả nợ trước hạn (TNTH).	Miễn phí TNTH trong trường hợp VCB yêu cầu khách hàng (KH) TNTH do KH vi phạm các nghĩa vụ tại hợp đồng cho vay ký giữa VCB và KH;
<b>1</b>	<b>Trường hợp KH sử dụng nguồn tiền từ việc đi vay Tổ chức tín dụng (TCTD) khác để TNTH</b>					
<b>1.1</b>	<b><u>Đối với các khoản vay ngắn hạn</u></b>					
1.1.1	Thời gian vay thực tế nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ	<b>1%</b>	100.000			
1.1.2	Thời gian vay thực tế lớn hơn 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ	Miễn phí				
<b>1.2</b>	<b><u>Đối với các khoản vay trung hạn</u></b>					
1.2.1	Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	<b>2%</b>	100.000			
1.2.2	Trong năm thứ 4 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	<b>1%</b>	100.000			
1.2.3	Từ năm thứ 5 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Miễn phí				
<b>1.3</b>	<b><u>Đối với các khoản vay dài hạn</u></b>					
1.3.1	Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	<b>2%</b>	100.000			
1.3.2	Từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	<b>1%</b>	100.000			

## BIỂU PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHO VAY DÀNH CHO KHCN TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

STT	Dịch vụ	Tỷ lệ phí	Tối thiểu (đơn vị: đồng)	Tối đa (đơn vị: đồng)	Cách thu	Ghi chú
1.3.3	Từ năm thứ 6 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Miễn phí				
<b>2</b>	<b>Trường hợp KH sử dụng nguồn tiền khác (không phải là nguồn tiền từ việc đi vay TCTD khác) để TNTH</b>					
<b>2.1</b>	<b><u>Đối với các khoản vay ngắn hạn</u></b>					
2.1.1	Thời gian vay thực tế nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ	0,5%	100.000			Không thu phí tối thiểu trường hợp tỷ lệ phí sau khi áp dụng thẩm quyền giảm trừ là 0%
2.1.2	Thời gian vay thực tế lớn hơn 1/2 thời gian vay theo từng khoản nhận nợ	Miễn phí				
<b>2.2</b>	<b><u>Đối với các khoản vay trung hạn</u></b>					
2.2.1	Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1%	100.000			
2.2.2	Trong năm thứ 4 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,5%	100.000			
2.2.3	Từ năm thứ 5 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Miễn phí				
<b>2.3</b>	<b><u>Đối với các khoản vay dài hạn</u></b>					
2.3.1	Từ năm thứ 1 đến hết năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1%	100.000			
2.3.2	Từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 5 kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,5%	100.000			
2.3.3	Từ năm thứ 6 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Miễn phí				

**BIỂU PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHO VAY DÀNH CHO KHCN  
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

STT	Dịch vụ	Tỷ lệ phí	Tối thiểu (đơn vị: đồng)	Tối đa (đơn vị: đồng)	Cách thu	Ghi chú
3	Phí TNTH trong ngày theo từng khoản nhận nợ		200.000			Thu phí trong trường hợp cho vay theo các sản phẩm vay cầm cố giấy tờ có giá
<b>II</b>	<b>PHÍ DỊCH VỤ KHÁC</b>					
<b>1</b>	<b>Phí liên quan đến tài sản bảo đảm</b>					
<b>1.1</b>	<b><u>Thay đổi tài sản bảo đảm</u></b>				Thu trước khi làm thủ tục đổi TSBĐ	
1.1.1	Tài sản mới là GTCG do VCB phát hành	Miễn phí				
1.1.2	Tài sản khác		200.000/lần			
<b>1.2</b>	<b><u>Mượn hồ sơ tài sản bảo đảm</u></b>		200.000/lần		Thu trước khi làm thủ tục cho mượn hồ sơ TSBĐ	Bao gồm trường hợp KH phải xuất hồ sơ TSBĐ để phục vụ cho công chứng/chứng thực/cấp bản sao hồ sơ tài sản bảo đảm...
<b>2</b>	<b>Cấp xác nhận thông tin chi tiết khoản vay (dư nợ, lịch sử trả nợ khoản vay...)</b>		100.000/yêu cầu		Thu trước khi cấp xác nhận cho KH	